

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

(đã được soát xét)

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

Số 209, đường Nguyễn Văn Thủ, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

---

## NỘI DUNG

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04
Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét	05-36
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	08-09
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10-36

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**

Số 209, đường Nguyễn Văn Thủ, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

#### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần theo Quyết định số 1247/1998/QĐ-BGTVT ngày 25/05/1998 của Bộ Giao thông Vận tải và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0301471330 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/08/1998, đăng ký thay đổi lần thứ 38 ngày 16/01/2023.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 209, đường Nguyễn Văn Thủ, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hoàng Dũng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hoàng Anh	Phó Chủ tịch
Ông Đặng Trần Phúc	Ủy viên
Ông Nguyễn Trường Nam	Ủy viên
Ông Nguyễn Hải Nguyên	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hoàng Anh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hoàng Dũng	Giám đốc Logistic

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nhữ Đình Thiện	Trưởng ban
Bà Trần Thị Ngọc Đào	Thành viên
Ông Dương Quang Thoại	Thành viên

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

Số 209, đường Nguyễn Văn Thủ, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

#### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Hoàng Anh  
Tổng Giám đốc

Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2023

Số: 250823.002/BCTC.KT2

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI được lập ngày 25 tháng 08 năm 2023, từ trang 05 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Vũ Xuân Biên ✓

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2023-002-1

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2023

T: (84) 24 3824 1990 | F: (84) 24 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

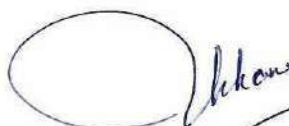
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>494.775.172.871</b>	<b>527.919.051.465</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	139.259.736.813	134.862.287.733
111	1. Tiền		93.934.501.692	134.862.287.733
112	2. Các khoản tương đương tiền		45.325.235.121	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	116.203.569.316	90.525.548.699
121	1. Chứng khoán kinh doanh		94.963.955.337	83.080.414.259
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		21.239.613.979	7.445.134.440
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		170.494.605.983	234.074.594.244
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	104.421.654.636	154.225.663.404
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	6.556.422.627	31.285.587.505
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	59.516.528.720	48.563.343.335
140	IV. Hàng tồn kho	8	46.517.490.406	49.099.056.400
141	1. Hàng tồn kho		46.517.490.406	49.099.056.400
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		22.299.770.353	19.357.564.389
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	330.649.167	59.400.000
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		21.969.121.186	19.298.164.389
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>329.256.466.838</b>	<b>382.782.444.681</b>
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		250.473.600	250.473.600
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	250.473.600	250.473.600
220	II. Tài sản cố định		68.336.590.516	77.415.702.780
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	66.091.590.516	75.170.702.780
222	- Nguyên giá		220.169.974.569	220.610.662.257
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(154.078.384.053)	(145.439.959.477)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	2.245.000.000	2.245.000.000
228	- Nguyên giá		4.483.695.000	4.483.695.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.238.695.000)	(2.238.695.000)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		251.613.851	343.228.227
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		251.613.851	343.228.227
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	254.325.820.624	298.568.193.334
251	1. Đầu tư vào công ty con		61.566.300.000	61.566.300.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		185.359.124.000	185.359.124.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		9.320.448.776	53.547.821.486
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(1.920.052.152)	(1.905.052.152)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		6.091.968.247	6.204.846.740
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	6.091.968.247	6.204.846.740
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>824.031.639.709</b>	<b>910.701.496.146</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**Số 209, đường Nguyễn Văn Thủ,  
phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
			VND	VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>146.865.501.184</b>	<b>159.719.041.884</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>146.774.341.184</b>	<b>159.719.041.884</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	119.471.654.006	136.421.160.537
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		16.203.572	29.401.354
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	12.397.781.130	7.795.583.707
314	4. Phải trả người lao động		441.276.900	5.885.150.825
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	14	2.540.674.075	2.655.545.827
322	6. Quỹ khen thưởng phúc lợi		11.906.751.501	6.932.199.634
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>91.160.000</b>	-
337	1. Phải trả dài hạn khác	14	91.160.000	-
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>677.166.138.525</b>	<b>750.982.454.262</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	15	<b>677.166.138.525</b>	<b>750.982.454.262</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		238.160.460.000	238.160.460.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		<i>238.160.460.000</i>	<i>238.160.460.000</i>
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		26.882.847.992	26.882.847.992
415	3. Cổ phiếu quỹ		(17.300.120.000)	(17.300.120.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		93.092.391.566	71.886.672.133
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		251.695.874.966	241.790.957.276
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		84.634.684.001	189.561.636.861
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		<i>19.573.079.908</i>	<i>17.475.777.305</i>
421b	<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		<i>65.061.604.093</i>	<i>172.085.859.556</i>
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>824.031.639.709</b>	<b>910.701.496.146</b>


Nguyễn Thị Duyên Thắm  
Người lập

Đặng Thị Thúy Hằng  
Kế toán trưởngNguyễn Hoàng Anh  
Tổng Giám đốc

Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2023

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TÀI SAFI**Số 209, đường Nguyễn Văn Thủ,  
phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí MinhBáo cáo tài chính riêng giữa niên độ  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2023	2022
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	471.303.124.744	926.879.861.247
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		471.303.124.744	926.879.861.247
11	4. Giá vốn hàng bán	18	396.030.937.662	790.700.149.412
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		75.272.187.082	136.179.711.835
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	48.718.051.219	98.408.190.087
22	7. Chi phí tài chính	20	2.097.219.447	2.108.266.801
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	1.610.581
25	8. Chi phí bán hàng	21	34.431.933.079	31.045.271.748
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	11.812.616.394	11.143.281.831
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		75.648.469.381	190.291.081.542
31	11. Thu nhập khác		120.000.000	53.946.960
32	12. Chi phí khác		4.997.734	-
40	13. Lợi nhuận khác		115.002.266	53.946.960
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		75.763.471.647	190.345.028.502
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23	10.701.867.554	36.563.446.103
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		65.061.604.093	153.781.582.399

Nguyễn Thị Duyên Thắm  
Người lậpĐặng Thị Thúy Hằng  
Kế toán trưởngNguyễn Hoàng Anh  
Tổng Giám đốc

Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2023



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2023	2022
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		75.763.471.647	190.345.028.502
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		9.232.633.718	10.579.537.750
03	- Các khoản dự phòng		15.000.000	(243.964.285)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(331.696.825)	(1.278.862.304)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(43.681.401.773)	(93.430.664.318)
06	- Chi phí lãi vay		-	1.610.581
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		40.998.006.767	105.972.685.926
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		73.115.982.786	87.325.259.996
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		2.581.565.994	(49.034.641)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(23.597.529.772)	(60.880.280.567)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(158.370.674)	(1.421.851.112)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		(11.883.541.078)	(53.139.164.716)
14	- Tiền lãi vay đã trả		-	(1.610.581)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(4.964.458.649)	(37.804.825.823)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.387.163.963)	(983.142.989)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		74.704.491.411	39.018.035.493
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(61.907.078)	(21.582.911.174)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		120.000.000	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(13.794.479.539)	(5.227.584.690)
25	4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(178.530.645.610)
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		63.964.429.173	85.073.997.195
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		11.617.393.988	8.356.667.123
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		61.845.436.544	(111.910.477.156)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	1. Tiền thu từ đi vay		-	13.140.253.167
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		-	(13.140.253.167)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(132.484.175.700)	(20.600.566.200)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(132.484.175.700)	(20.600.566.200)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**

Số 209, đường Nguyễn Văn Thù,  
phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2023	2022
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		4.065.752.255	(93.493.007.863)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		134.862.287.733	223.646.551.483
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		331.696.825	1.278.862.304
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>139.259.736.813</u>	<u>131.432.405.924</u>



Nguyễn Thị Duyên Thắm  
Người lập

Đặng Thị Thúy Hằng  
Kế toán trưởng

Nguyễn Hoàng Anh  
Tổng Giám đốc

Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2023

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần theo Quyết định số 1247/1998/QĐ-BGTVT ngày 25/05/1998 của Bộ Giao thông Vận tải và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0301471330 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/08/1998, đăng ký thay đổi lần thứ 38 ngày 16/01/2023.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 209, đường Nguyễn Văn Thủ, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 238.160.460.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2023 là 238.160.460.000 đồng; tương đương 23.816.046 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 là: 369 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là: 363 người).

#### Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ vận tải và đại lý vận tải.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Đại lý vận tải; Đại lý ủy thác quản lý container và giao nhận hàng hóa; Khai thác, thu gom hàng hóa và vận tải nội địa; Đại lý tàu biển; Giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu; Dịch vụ hàng hải và cung ứng tàu biển; Hoạt động của các đại lý vé máy bay;
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Môi giới hàng hải;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Kinh doanh khai thác kho bãi;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Vận chuyển hàng hóa quá cảnh đi Lào, Campuchia và ngược lại (chỉ thực hiện khi có đầy đủ thủ tục về hàng quá cảnh). Vận tải đa phương thức quốc tế.

#### Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Trong năm 2022, nhu cầu thúc đẩy lưu thông hàng hóa nhằm phục hồi kinh tế sau đại dịch Covid dẫn đến nhu cầu dịch vụ vận tải tăng mạnh trong 06 tháng đầu năm. Tuy nhiên, thị trường vận tải bắt đầu suy giảm dần trong 06 tháng cuối năm 2022 do sự suy thoái và lạm phát tăng cao trên toàn cầu dẫn đến nhu cầu giảm dần. Trong 06 tháng đầu năm 2023, tình trạng trên vẫn tiếp tục diễn ra và chưa có sự cải thiện trở lại dẫn đến các chỉ tiêu trên kết quả kinh doanh kỳ này của Công ty giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể, doanh thu đến từ hoạt động forwarding bao gồm dịch vụ Sea và dịch vụ Air giảm 74,68%; hoạt động dịch vụ Logistic giảm 15,94%.

Để mở rộng hoạt động kinh doanh và tận dụng các thế mạnh của mình, Công ty đã mở rộng lĩnh vực kinh doanh sang nhập khẩu và cung cấp hàng hóa thương mại bước đầu mang lại hiệu quả cho tình hình kinh doanh của Công ty nói chung.

Bên cạnh đó, Công ty thực hiện bán cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Container Việt Nam và ghi nhận vào doanh thu tài chính số tiền 19,74 tỷ VND (cùng kỳ năm trước đã ghi nhận là 85,07 tỷ VND)

Những nguyên nhân trên đã dẫn tới việc Lợi nhuận trước thuế của Công ty trong kỳ này tụt giảm 60,2% so với kỳ trước.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

Số 209, đường Nguyễn Văn Thủ,  
phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

### Cấu trúc doanh nghiệp

#### Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi tại Quảng Ninh

Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi tại Hải Phòng

Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi tại Hà Nội

Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi tại Đà Nẵng

Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi tại Quy Nhơn

#### Địa chỉ

Số 10 Đường Lê Thánh Tông, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

Commercial Building, số 22 Đường Lý Tự Trọng, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Trung tâm Thương mại Vân Hồ, số 51 Đường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam

Lô 39, Đường số 02, Khu Công nghiệp Đà Nẵng, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Số 52-53 Lê Đức Thọ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

## 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các Công ty con cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của toàn Công ty.

#### **2.4 . Công cụ tài chính**

##### *Ghi nhận ban đầu*

##### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

##### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

#### **2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

#### **2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**2.7 . Các khoản đầu tư tài chính**

*Chúng khoán kinh doanh* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chúng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chúng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chúng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

*Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

*Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác* bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chúng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng;
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chúng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

**2.8 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

Số 209, đường Nguyễn Văn Thủ,  
phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

### 2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại dịch vụ chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

### 2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Quyền sử dụng đất	Không xác định thời hạn
- Phần mềm quản lý	03 năm

### 2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

### 2.12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**

Số 209, đường Nguyễn Văn Thủ,  
phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

### **2.13 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 tháng đến 36 tháng;

- Chi phí sửa chữa lớn được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng thời gian từ 12 tháng đến 36 tháng.

### **2.14 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

### **2.15 . Vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

### **2.16 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.



**2.17 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và phải xử lý ghi giảm vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phiếu theo quy định tại Điều 134 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và Điều 36 của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 06/12/2019, trừ các trường hợp được pháp luật cho phép bán ra ngay sau khi mua lại hoặc xử lý số dư cổ phiếu quỹ đã mua trước ngày 01/01/2021.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

**2.18 . Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**2.19 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**2.20 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

Số 209, đường Nguyễn Văn Thủ,  
phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

### 2.21 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

#### a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

#### b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

### 2.22 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

### 2.23 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

## 3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	671.427.186	1.644.718.573
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	93.263.074.506	133.217.569.160
Các khoản tương đương tiền (*)	45.325.235.121	-
	<u>139.259.736.813</u>	<u>134.862.287.733</u>

(\*) Tại ngày 30/06/2023, khoản tương đương tiền là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng có giá trị 45.325.235.121 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 5,0%/năm đến 6,0 %/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**

Số 209, đường Nguyễn Văn Thù, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Tại ngày 30/06/2023, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng có giá trị 21.239.613.979 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 5,2%/năm đến 6,0%/năm.

**b) Chứng khoán kinh doanh**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
- Tổng giá trị trái phiếu	94.963.955.337	42.043.022.400	-	83.080.414.259
- Trái phiếu Công ty TNHH Khai thác chế biến Khoáng sản Núi Pháo	14.769.344.709	-	-	30.026.801.210
- Trái phiếu CTCP Tập đoàn MASAN (*)	3.472.146.543	2.681.800.000	-	5.341.928.836
- Trái phiếu Ngân hàng thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam	-	-	-	8.886.066.900
- Trái phiếu Công ty Cổ phần Dịch vụ - Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh	27.389.975.056	-	-	29.065.837.413
- Trái phiếu Công ty Cổ phần Vinpearl	9.173.471.700	-	-	9.759.779.900
- Trái phiếu Công ty Cổ phần Masan High -Tech Materials (*)	29.999.901.480	29.571.222.400	-	-
- Trái phiếu Tập đoàn Vingroup - CTCP (*)	10.159.115.849	9.790.000.000	-	-
	<b>94.963.955.337</b>	<b>42.043.022.400</b>	<b>-</b>	<b>83.080.414.259</b>
				<b>5.403.950.986</b>

(\*) Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá đóng cửa của các trái phiếu này trên sàn HOSE tại ngày 30/12/2022 và ngày 30/06/2023.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**

Số 209, đường Nguyễn Văn Thủ, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>	<b>61.566.300.000</b>	-	-	-
- Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Cosfi <sup>(1)</sup>	1.566.300.000	-	-	-
- Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng Safi <sup>(2)</sup>	60.000.000.000	-	-	-
<b>Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>185.359.124.000</b>	<b>(975.052.152)</b>	<b>185.359.124.000</b>	<b>(975.052.152)</b>
- Công ty TNHH SITC Việt Nam <sup>(3)</sup>	3.628.344.000	-	-	-
- Công ty TNHH Yusen Logistics Quốc tế (Việt Nam) <sup>(4)</sup>	4.350.780.000	(975.052.152)	4.350.780.000	(975.052.152)
- Công ty TNHH Dong Hong Logistics Đà Nẵng <sup>(5)</sup>	980.000.000	-	-	-
- Công ty TNHH Minh Toàn - Safi <sup>(6)</sup>	176.400.000.000	-	-	-
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>9.320.448.776</b>	<b>12.997.500.000</b>	<b>(945.000.000)</b>	<b>76.141.500.000</b>
- Công ty Cổ phần Vinalines Logistic - Việt Nam (Mã CK: VLG) <sup>(*)</sup>	1.500.000.000	555.000.000	(945.000.000)	570.000.000
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Container Việt Nam (Mã CK: VSC) <sup>(*)</sup>	7.233.448.776	12.442.500.000	-	75.571.500.000
- Công ty TNHH New SITC Containers Lines Việt Nam <sup>(7)</sup>	467.000.000	-	-	-
- Công ty TNHH SITC Bondex Việt Nam Logistics <sup>(8)</sup>	120.000.000	-	-	-
	<b>256.245.872.776</b>	<b>12.997.500.000</b>	<b>(1.920.052.152)</b>	<b>76.141.500.000</b>
				<b>(1.905.052.152)</b>

Trong kỳ, Công ty có thực hiện giao dịch bán 2.140.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Container Việt Nam (Mã CK: VSC) cho nhà đầu tư khác theo phương thức khớp lệnh và thỏa thuận trên sàn HOSE, lãi từ bán khoản đầu tư này là 19,73 tỷ VND. (xem thêm thông tin tại thuyết minh số 19).

(\*) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư dài hạn vào Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vinalines Logistic - Việt Nam (Mã CK: VLG) và Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Container Việt Nam (Mã CK: VSC) được xác định theo giá đóng cửa của các chứng khoán này trên sàn UPCOM và HOSE tại ngày 30/12/2022 và 30/06/2023.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính còn lại do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**Số 209, đường Nguyễn Văn Thủ,  
phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**Đầu tư vào công ty con**Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 30/06/2023<sup>2</sup> như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Cosfi <sup>(1)</sup>	Thành phố Hồ Chí Minh	69,00%	69,00%	Giao nhận và đại lý tàu biển
Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng Safi <sup>(2)</sup>	Thành phố Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn

(1) Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi góp 1.566.300.000 VND chiếm 69% vốn điều lệ, Công ty TNHH Logistics Qingdaofest góp 681.000.000 VND chiếm 30% vốn điều lệ, Ông Nguyễn Hoàng Dũng góp 22.700.000 VND chiếm 1% vốn điều lệ.

(2) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0312971945 vốn điều lệ của Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng SAFI là 60 tỷ VND do Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi góp toàn bộ. Vốn thực góp của Công ty đến thời điểm 30/06/2023 là 60 tỷ VND.

**Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2023 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH SITC Việt Nam <sup>(3)</sup>	Thành phố Hải Phòng	51,00%	50,00%	Giao nhận và đại lý tàu biển
Công ty TNHH Yusen Logistics Quốc tế (Việt Nam) <sup>(4)</sup>	Thành phố Hồ Chí Minh	45,00%	45,00%	Dịch vụ giao nhận quốc tế và kinh doanh
Công ty TNHH Dong Hong Logistics Đà Nẵng <sup>(5)</sup>	Thành phố Đà Nẵng	49,00%	49,00%	Giao nhận và đại lý tàu biển
Công ty TNHH Minh Toàn - Safi <sup>(6)</sup>	Thành phố Đà Nẵng	49,00%	49,00%	Dịch vụ lưu trú

(3) Công ty TNHH SITC Việt Nam (SITC Việt Nam) đã hết hạn liên doanh và đã làm thủ tục gia hạn liên doanh. Tuy nhiên, sau khi gia hạn liên doanh Công ty không còn kiểm soát hoạt động kinh doanh của SITC Việt Nam nên Công ty ghi nhận khoản đầu tư vào SITC Việt Nam là khoản đầu tư vào Công ty liên kết.

(4) Theo hợp đồng liên doanh giữa các bên là Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI, Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Chuyên giao công nghệ, Công ty TNHH Yusen Air & Sea Service, thì vốn điều lệ của Công ty TNHH Yusen Logistics Quốc tế (Việt Nam) (tên cũ là Công ty TNHH Vận tải và Giao nhận Yusen Quốc tế (Việt Nam)) là 600.000 USD, trong đó vốn góp của các bên như sau: Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI góp 270.000 USD chiếm 45% vốn điều lệ; Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Chuyên giao công nghệ góp 36.000 USD chiếm 6% vốn điều lệ và Công ty TNHH Yusen Air & Sea Service góp 294.000 USD chiếm 49% vốn điều lệ.

Cũng theo hợp đồng liên doanh thì Công ty TNHH Yusen Logistics Quốc tế (Việt Nam) đã hết thời hạn hoạt động kinh doanh vào ngày 05/09/2014. Đến thời điểm hiện tại, Công ty TNHH Yusen Logistics Quốc tế (Việt Nam) đang thực hiện các thủ tục để giải thể. Việc thanh lý khoản đầu tư sẽ thực hiện khi hoàn tất thủ tục giải thể, do đó việc ghi giảm giá gốc khoản đầu tư và các chi phí liên quan đến thanh lý cũng như tài sản được phân chia (nếu có) sẽ được ghi nhận tại thời điểm đó.

(5) Ngày 18/02/2022, Công ty thực hiện góp vốn vào Công ty TNHH Dong Hong Logistics Đà Nẵng với số tiền 980.000.000 VND theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 04/NQ-HĐQT-2021 ngày 10/08/2021. Tại ngày 30/06/2023, vốn điều lệ của Công ty TNHH Dong Hong Logistics Đà Nẵng là 2.000.000.000 VND, trong đó vốn góp của Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI là 980.000.000 VND, chiếm 49% vốn điều lệ và ông Liu Hong Chung quốc tịch Trung Quốc góp 1.020.000.000 VND, chiếm 51 % vốn điều lệ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

Số 209, đường Nguyễn Văn Thủ,  
phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

(6) Ngày 06/05/2022, Công ty thực hiện góp vốn vào Công ty TNHH Minh Toàn - Safi với số tiền 176.400.000.000 VND theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 03/NQ-HĐQT-2022 ngày 18/04/2022. Tại ngày 30/06/2023, vốn điều lệ của Công ty TNHH Minh Toàn - Safi là 360 tỷ VND, trong đó vốn góp của Công ty là 176,4 tỷ VND, chiếm 49% vốn điều lệ; Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Toàn góp 176,4 tỷ VND, chiếm 49 % vốn điều lệ; bà Nguyễn Thị Cát Tiên góp 3,6 tỷ VND, chiếm 1 % vốn điều lệ và ông Nguyễn Hoàng Anh góp 3,6 tỷ VND, chiếm 1 % vốn điều lệ.

### Đầu tư vào đơn vị khác

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Cổ phần nắm giữ hoặc tỷ lệ lợi ích	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Vinalines Logistic - Việt Nam (Mã CK: VLG)	Hà Nội	150.000 cổ phần	Dịch vụ vận tải
Công ty Cổ phần Tập đoàn Container Việt Nam (Mã CK: VSC)	Hải Phòng	350.000 cổ phần	Dịch vụ hàng hải
Công ty TNHH New SITC Containers Việt Nam <sup>(7)</sup>	Hải Phòng	20,00%	Dịch vụ đại lý vận tải hàng hóa
Công ty TNHH SITC Bondex Việt Nam Logistics <sup>(8)</sup>	Hải Phòng	1,00%	Giao nhận và đại lý tàu biển

(7), (8): Theo nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty số 08-2019/NQ-HĐQT ngày 16/09/2019, Công ty đã góp vốn thành lập các công ty: Công ty TNHH New SITC Containers Việt Nam và Công ty TNHH SITC Bondex Việt Nam Logistics với số vốn điều lệ lần lượt là 2.335.000.000 VND và 12.000.000.000 VND. Riêng đối với Công ty TNHH New SITC Containers Việt Nam, tỷ lệ lợi ích của công ty là 20% nhưng do Công ty không tham gia điều hành nên khoản đầu tư này được phân loại là các khoản đầu tư dài hạn khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**

Số 209, đường Nguyễn Văn Thù,  
phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo loại hình dịch vụ</b>				
Phải thu các hãng tàu	13.295.672.407	-	13.721.769.507	-
Phải thu khách hàng giao nhận	61.194.184.070	-	101.506.151.790	-
Phải thu khách hàng đường biển và đường không	26.457.526.447	-	38.818.744.430	-
Phải thu về bán hàng hóa	3.303.749.573	-	12.863.950	-
Đối tượng khác	170.522.139	-	166.133.727	-
	<b>104.421.654.636</b>	<b>-</b>	<b>154.225.663.404</b>	<b>-</b>
<b>b) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>588.429.320</i>	<i>-</i>	<i>29.654.412.181</i>	<i>-</i>
Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Cosfi	588.429.320	-	27.507.604.573	-
Công ty TNHH SITC Việt Nam	-	-	2.146.807.608	-
<i>Bên khác</i>	<i>103.833.225.316</i>	<i>-</i>	<i>124.571.251.223</i>	<i>-</i>
Công ty TNHH Vận tải quốc tế Trường Giang	2.566.042.304	-	9.466.892.344	-
Donghong Logistics (Singapore) Pte.Ltd	23.332.311.596	-	27.054.681.001	-
Công ty TNHH New SITC Container Lines Việt Nam	-	-	11.553.674.249	-
Các đối tượng khác	77.934.871.416	-	76.496.003.629	-
	<b>104.421.654.636</b>	<b>-</b>	<b>154.225.663.404</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**

Số 209, đường Nguyễn Văn Thù,  
phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Trả trước cho người bán chi tiết theo loại hình dịch vụ</b>				
Trả trước dịch vụ đường biển	138.396.274	-	268.893.942	-
Trả trước dịch vụ Logistics	1.357.526.353	-	14.129.360.442	-
Trả trước cho hoạt động khác	5.060.500.000	-	16.887.333.121	-
	<b>6.556.422.627</b>	<b>-</b>	<b>31.285.587.505</b>	<b>-</b>
<b>b) Trả trước cho người bán chi tiết theo đối tượng có số dư lớn</b>				
<i>Bên liên quan</i>				
Công ty TNHH New SITC Container Lines Việt Nam	77.823.600	-	756.065.995	-
<i>Bên khác</i>				
Công ty TNHH TM & SX Tường Việt	-	-	11.887.333.121	-
Công ty TNHH Xe hơi Thể thao Uy tín	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-
Trả trước cho người bán khác	1.478.599.027	-	13.642.188.389	-
	<b>6.556.422.627</b>	<b>-</b>	<b>31.285.587.505</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**

Số 209, đường Nguyễn Văn Thủ,  
phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**7 . PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
a1) <i>Chi tiết theo nội dung</i>				
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	12.206.951.322	-	-	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	108.837.332	-	108.997.344	-
Tạm ứng	30.649.488.300	-	32.444.592.791	-
Ký cược, ký quỹ	12.675.596.486	-	13.442.923.421	-
Phải thu khác	3.875.655.280	-	2.566.829.779	-
	<b>59.516.528.720</b>	<b>-</b>	<b>48.563.343.335</b>	<b>-</b>
a2) <i>Chi tiết theo đối tượng</i>				
<i>Bên liên quan</i>				
Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Cosfi	12.206.951.322	-	1.393.337.445	-
Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng Safi	-	-	1.393.337.445	-
<i>Bên khác</i>				
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hal Nguyên Minh	47.309.577.398	-	47.170.005.890	-
Các đối tượng khác	6.200.000.000	-	3.000.000.000	-
	41.109.577.398	-	44.170.005.890	-
	<b>59.516.528.720</b>	<b>-</b>	<b>48.563.343.335</b>	<b>-</b>
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	250.473.600	-	250.473.600	-
	<b>250.473.600</b>	<b>-</b>	<b>250.473.600</b>	<b>-</b>

**8 . HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	247.889.412	-	188.271.550	-
Công cụ, dụng cụ	16.985.714	-	4.070.621	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	85.504.000	-	567.231.429	-
Hàng hoá	46.167.111.280	-	48.339.482.800	-
	<b>46.517.490.406</b>	<b>-</b>	<b>49.099.056.400</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**

Số 209, đường Nguyễn Văn Thủ, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**9 . TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá										
Số dư đầu kỳ	52.511.173.037		6.200.768.079		159.446.890.529		2.451.830.612		220.610.662.257	
- Mua trong kỳ	-		-		-		153.521.454		153.521.454	
- Thanh lý, nhượng bán	-		-		(594.209.142)		-		(594.209.142)	
Số dư cuối kỳ	<b>52.511.173.037</b>		<b>6.200.768.079</b>		<b>158.852.681.387</b>		<b>2.605.352.066</b>		<b>220.169.974.569</b>	
Giá trị hao mòn lũy kế										
Số dư đầu kỳ	26.010.240.248		2.584.729.021		115.106.874.138		1.738.116.070		145.439.959.477	
- Khấu hao trong kỳ	861.062.202		937.207.098		7.267.900.421		166.463.997		9.232.633.718	
- Thanh lý, nhượng bán	-		-		(594.209.142)		-		(594.209.142)	
Số dư cuối kỳ	<b>26.871.302.450</b>		<b>3.521.936.119</b>		<b>121.780.565.417</b>		<b>1.904.580.067</b>		<b>154.078.384.053</b>	
Giá trị còn lại										
Tại ngày đầu kỳ	26.500.932.789		3.616.039.058		44.340.016.391		713.714.542		75.170.702.780	
Tại ngày cuối kỳ	<b>25.639.870.587</b>		<b>2.678.831.960</b>		<b>37.072.115.970</b>		<b>700.771.999</b>		<b>66.091.590.516</b>	
Trong đó:										
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:										74.529.494.737 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**Số 209, đường Nguyễn Văn Thủ,  
phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Giá trị quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ	2.245.000.000	2.238.695.000	4.483.695.000
Số dư cuối kỳ	<u>2.245.000.000</u>	<u>2.238.695.000</u>	<u>4.483.695.000</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	-	2.238.695.000	2.238.695.000
Số dư cuối kỳ	-	<u>2.238.695.000</u>	<u>2.238.695.000</u>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu kỳ	2.245.000.000	-	2.245.000.000
Tại ngày cuối kỳ	<u>2.245.000.000</u>	-	<u>2.245.000.000</u>

(\*) Tại ngày 30/06/2023, quyền sử dụng đất của Công ty bao gồm:

+ Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn là lô đất số 52-53 Lê Đức Thọ, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Nhơn với diện tích 150 m<sup>2</sup> và giá trị là 1,845 tỷ VND;+ Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn là căn biệt thự Sealink, Mũi Né với diện tích 400 m<sup>2</sup> và giá trị là 400 triệu VND.**11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	330.649.167	59.400.000
	<u>330.649.167</u>	<u>59.400.000</u>
<b>b) Dài hạn</b>		
Tiền thuê đất tại Chi nhánh Đà Nẵng	2.657.249.700	2.723.680.944
Công cụ dụng cụ xuất dùng	2.061.742.869	1.575.892.421
Chi phí sửa chữa lớn tài sản	1.372.975.678	1.905.273.375
	<u>6.091.968.247</u>	<u>6.204.846.740</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**Số 209, đường Nguyễn Văn Thủ,  
phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ	VND	trả nợ
<b>a) Phải trả người bán chi tiết theo loại hình dịch vụ</b>				
Phải trả các công ty dịch vụ hàng không	75.973.702.107	75.973.702.107	87.578.015.303	87.578.015.303
Phải trả các công ty dịch vụ đường biển	6.680.709.255	6.680.709.255	10.148.826.390	10.148.826.390
Phải trả các công ty dịch vụ Logistic	32.512.221.491	32.512.221.491	37.563.691.103	37.563.691.103
Phải trả dịch vụ đại lý tàu	544.411.568	544.411.568	292.178.844	292.178.844
Phải trả về mua hàng hóa	3.281.922.661	3.281.922.661	-	-
Phải trả các đối tượng khác	478.686.924	478.686.924	838.448.897	838.448.897
	<b>119.471.654.006</b>	<b>119.471.654.006</b>	<b>136.421.160.537</b>	<b>136.421.160.537</b>
<b>b) Phải trả người bán chi tiết theo số dư lớn</b>				
<i>Bên khác</i>				
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hóa Bầu Trời	24.609.047.359	24.609.047.359	21.574.349.940	21.574.349.940
Văn phòng Bán vé Hãng hàng Không Japan Airlines Co., Ltd	13.577.868.798	13.577.868.798	11.961.815.154	11.961.815.154
Công ty TNHH Vận tải Quốc tế Trường Giang	6.364.366.420	6.364.366.420	6.323.127.531	6.323.127.531
Phải trả người bán khác	74.920.371.429	74.920.371.429	96.561.867.912	96.561.867.912
	<b>119.471.654.006</b>	<b>119.471.654.006</b>	<b>136.421.160.537</b>	<b>136.421.160.537</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SARI**

Số 209, đường Nguyễn Văn Thủ, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023**13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-		241.559.038		803.942.472		774.424.677		-			271.076.833
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-		4.964.458.649		10.701.867.554		4.964.458.649		-			10.701.867.554
Thuế Thu nhập cá nhân	-		2.589.566.020		6.291.607.281		7.456.336.558		-			1.424.836.743
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-		-		21.714.188		21.714.188		-			-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-		-		17.352.290		17.352.290		-			-
	-		<b>7.795.583.707</b>		<b>17.836.483.785</b>		<b>13.234.286.362</b>		-			<b>12.397.781.130</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**14 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	30/06/2023		01/01/2023	
	VND		VND	
a) Ngắn hạn				
- Kinh phí công đoàn	223.567.182		262.238.937	
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	660.690.341		622.012.841	
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	216.794.530		184.766.230	
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.439.622.022		1.586.527.819	
	<b>2.540.674.075</b>		<b>2.655.545.827</b>	
b) Dài hạn				
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	91.160.000		-	
	<b>91.160.000</b>		<b>-</b>	

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**

Số 209, đường Nguyễn Văn Thù, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

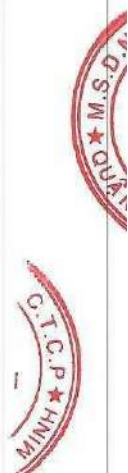
**15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	157.530.690.000	26.882.847.992	(17.300.120.000)	54.564.335.341	203.271.078.186	170.487.946.796	595.436.778.315
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	-	153.781.582.399	153.781.582.399
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	17.322.336.792	38.519.879.090	(82.073.502.420)	(26.231.286.538)
Số dư cuối kỳ trước	157.530.690.000	26.882.847.992	(17.300.120.000)	71.886.672.133	241.790.957.276	242.196.026.775	722.987.074.176
Số dư đầu năm nay	238.160.460.000	26.882.847.992	(17.300.120.000)	71.886.672.133	241.790.957.276	189.561.636.861	750.982.454.262
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	65.061.604.093	65.061.604.093
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	21.205.719.433	9.904.917.690	(169.988.556.953)	(138.877.919.830)
Số dư cuối kỳ này	238.160.460.000	26.882.847.992	(17.300.120.000)	93.092.391.566	251.695.874.966	84.634.684.001	677.166.138.525

Theo Nghị quyết ĐHCĐ số 01/NQ-ĐHCĐ/SAFI-2023 ngày 31/03/2023 Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2022 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00	189.561.636.861
Trích Quỹ đầu tư phát triển	11,18	21.205.719.433
Trích Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	5,22	9.904.917.690
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3,36	6.361.715.830
Chi trả cổ tức (bằng 80% vốn điều lệ)		174.584.842.000
Trong đó:		
Tạm ứng cổ tức trong năm 2022		42.068.638.000
Chi trả cổ tức trong năm 2023	69,91	132.516.204.000
Lợi nhuận chưa phân phối	10,33	19.573.079.908



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**

Số 209, đường Nguyễn Văn Thủ,  
phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Ông Nguyễn Hoàng Anh	4,20	10.000.000.000	8,64	20.567.080.000
Samarang Ucits	5,72	13.630.150.000	5,64	13.425.150.000
Công ty Cổ phần Đầu tư NMVT	50,39	120.000.000.000	42,63	101.533.320.000
Ông Nguyễn Hoàng Dũng	5,34	12.720.000.000	5,34	12.720.000.000
Lê Dung Nhi	2,77	6.600.000.000	5,74	13.671.000.000
Các cổ đông khác	24,32	57.910.190.000	24,75	58.943.790.000
Cổ phiếu quỹ	7,26	17.300.120.000	7,26	17.300.120.000
	<b>100,00</b>	<b>238.160.460.000</b>	<b>100,00</b>	<b>238.160.460.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	06 tháng đầu năm 2023 VND	06 tháng đầu năm 2022 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	238.160.460.000	157.530.690.000
- Vốn góp đầu kỳ	238.160.460.000	157.530.690.000
- Vốn góp cuối kỳ	238.160.460.000	157.530.690.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ	184.766.230	178.017.730
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ	132.516.204.000	21.034.585.500
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	132.516.204.000	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(132.484.175.700)	(21.044.292.600)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(132.484.175.700)	(21.044.292.600)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ	216.794.530	168.310.630

**d) Cổ phiếu**

	30/06/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	23.816.046	23.816.046
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	23.816.046	23.816.046
- Cổ phiếu phổ thông	23.816.046	23.816.046
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	1.730.012	1.730.012
- Cổ phiếu phổ thông	1.730.012	1.730.012
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	22.086.034	22.086.034
- Cổ phiếu phổ thông	22.086.034	22.086.034
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
Quỹ đầu tư phát triển	93.092.391.566	71.886.672.133
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	251.695.874.966	241.790.957.276
	<b>344.788.266.532</b>	<b>313.677.629.409</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**Số 209, đường Nguyễn Văn Thủ,  
phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023**16 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG****a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại một số địa điểm để sử dụng với mục đích hoạt động sản xuất kinh doanh. Cụ thể như sau:

STT	Vị trí	Diện tích	Thời gian thuê
1	Số 28 đường Đào Trí, khu phố 3, phường Phú Nhuận, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh	10.000 m2	50 năm, từ ngày 18/01/2000 đến ngày 18/01/2050
2	Lô NM6 Khu công nghiệp tập trung vừa và nhỏ Phú Thị, Gia Lâm, Hà Nội	4.800 m2	50 năm, từ ngày 20/01/2003 đến ngày 20/01/2053
3	Số 2, Khu Công nghiệp Đà Nẵng, An Đôn, phường An Hải Bắc, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng	9.488,40 m2	36 năm 4 tháng, từ ngày 11/05/2007 đến ngày 21/09/2043

**b) Ngoại tệ các loại**

	30/06/2023	01/01/2023
- Đồng đô la Mỹ (USD)	3.540.956,21	2.789.336,29
- Đồng Euro (EUR)	-	422,76

**17 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	19.235.070.786	-
Doanh thu hoạt động Logistic	307.926.854.843	366.331.721.458
Doanh thu hoạt động Fowarding	141.337.442.108	558.184.187.768
Doanh thu dịch vụ đại lý hãng tàu và các hoạt động khác	2.803.757.007	2.363.952.021
	<b>471.303.124.744</b>	<b>926.879.861.247</b>

**18 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	18.334.868.464	-
Giá vốn hoạt động Logistic	257.745.295.376	305.767.298.364
Giá vốn hoạt động Fowarding	119.319.884.576	484.407.698.693
Giá vốn dịch vụ đại lý hãng tàu và các hoạt động khác	630.889.246	525.152.355
	<b>396.030.937.662</b>	<b>790.700.149.412</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**Số 209, đường Nguyễn Văn Thủ,  
phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**19 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.138.935.768	1.911.987.520
Lãi do bán các khoản đầu tư vào đơn vị khác (*)	19.737.056.463	85.073.997.195
Lãi do bán các khoản đầu tư chứng khoán	2.618.503.744	1.186.241.020
Cổ tức, lợi nhuận được chia	22.685.409.542	6.444.679.603
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	2.206.448.877	2.508.159.561
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	331.696.825	1.278.862.304
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	4.262.884
	<b>48.718.051.219</b>	<b>98.408.190.087</b>

(\*) Trong kỳ, Công ty thực hiện bán 2.140.000 cổ phiếu VSC cho nhà đầu tư khác tương đương tổng mệnh giá 63.964.429.173 VND, giá phí là 44.227.372.710 VND.

**20 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền vay	-	1.610.581
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư chứng khoán	-	2.344.009.055
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	2.078.600.916	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	15.000.000	(243.964.285)
Chi phí tài chính khác	3.618.531	6.611.450
	<b>2.097.219.447</b>	<b>2.108.266.801</b>

**21 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Chi phí nhân công	25.346.926.955	20.767.242.620
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.022.130.759	1.355.909.496
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.982.509.776	8.750.100.428
Chi phí khác bằng tiền	80.365.589	172.019.204
	<b>34.431.933.079</b>	<b>31.045.271.748</b>

**22 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Chi phí nhân công	3.572.786.787	3.308.143.994
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.959.287.188	1.706.608.134
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.256.810.166	6.028.508.596
Chi phí khác bằng tiền	23.732.253	100.021.107
	<b>11.812.616.394</b>	<b>11.143.281.831</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**Số 209, đường Nguyễn Văn Thủ,  
phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**23 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	75.763.471.647	190.345.028.502
Các khoản điều chỉnh tăng	762.972.490	195.743.919
- Chi phí không hợp lệ	4.997.734	-
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ trước thực hiện kỳ này	757.974.756	195.743.919
Các khoản điều chỉnh giảm	(23.017.106.367)	(7.723.541.907)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(22.685.409.542)	(6.444.679.603)
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ	(331.696.825)	(1.278.862.304)
Thu nhập chịu thuế TNDN	53.509.337.770	182.817.230.514
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b>10.701.867.554</b>	<b>36.563.446.103</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	4.964.458.649	21.987.959.064
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(4.964.458.649)	(37.804.825.823)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ</b>	<b>10.701.867.554</b>	<b>20.746.579.344</b>

**24 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	632.037.365	784.067.580
Chi phí nhân công	31.658.296.239	27.124.501.324
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.232.633.718	10.579.537.750
Chi phí dịch vụ mua ngoài	381.831.826.078	794.105.247.691
Chi phí khác bằng tiền	104.097.842	272.040.311
	<b>423.458.891.242</b>	<b>832.865.394.656</b>

**25 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**Số 209, đường Nguyễn Văn Thủ,  
phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**Rủi ro thị trường**

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động giá thị trường, tỷ giá hối đoái, lãi suất

**Rủi ro về giá:**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/06/2023</b>				
Đầu tư ngắn hạn	42.043.022.400	-	-	42.043.022.400
Đầu tư dài hạn	-	12.997.500.000	-	12.997.500.000
	<u>42.043.022.400</u>	<u>12.997.500.000</u>	<u>-</u>	<u>55.040.522.400</u>
<b>Tại ngày 01/01/2023</b>				
Đầu tư ngắn hạn	5.403.950.986	-	-	5.403.950.986
Đầu tư dài hạn	-	76.141.500.000	-	76.141.500.000
	<u>5.403.950.986</u>	<u>76.141.500.000</u>	<u>-</u>	<u>81.545.450.986</u>

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**

Số 209, đường Nguyễn Văn Thủ,  
phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2023</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	138.588.309.627	-	-	138.588.309.627
Phải thu khách hàng, phải thu khác	163.938.183.356	250.473.600	-	164.188.656.956
Các khoản cho vay	21.239.613.979	-	-	21.239.613.979
	<b>323.766.106.962</b>	<b>250.473.600</b>	<b>-</b>	<b>324.016.580.562</b>
<b>Tại ngày 01/01/2023</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	133.217.569.160	-	-	133.217.569.160
Phải thu khách hàng, phải thu khác	202.789.006.739	250.473.600	-	203.039.480.339
Các khoản cho vay	7.445.134.440	-	-	7.445.134.440
	<b>343.451.710.339</b>	<b>250.473.600</b>	<b>-</b>	<b>343.702.183.939</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2023</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	122.012.328.081	91.160.000	-	122.103.488.081
	<b>122.012.328.081</b>	<b>91.160.000</b>	<b>-</b>	<b>122.103.488.081</b>
<b>Tại ngày 01/01/2023</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	139.076.706.364	-	-	139.076.706.364
	<b>139.076.706.364</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>139.076.706.364</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**Số 209, đường Nguyễn Văn Thủ,  
phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**26 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

**27 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

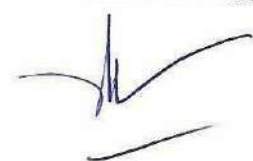
Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động Logistic VND	Hoạt động Forwarding VND	Dịch vụ đại lý hãng tàu và các hoạt động khác VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	307.926.854.843	141.337.442.108	22.038.827.793	471.303.124.744
Chi phí bộ phận trực tiếp	257.745.295.376	119.319.884.576	18.965.757.710	396.030.937.662
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	50.181.559.467	22.017.557.532	3.073.070.083	75.272.187.082
Tổng chi phí mua TSCĐ	-	-	153.521.454	153.521.454
Tài sản bộ phận trực tiếp	372.218.455.271	170.847.081.201	26.640.282.613	569.705.819.085
Tài sản không phân bổ				254.325.820.624
<b>Tổng tài sản</b>	<b>372.218.455.271</b>	<b>170.847.081.201</b>	<b>26.640.282.613</b>	<b>824.031.639.709</b>
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	87.834.003.591	40.661.627.422	6.463.118.671	134.958.749.683
Nợ phải trả không phân bổ				11.906.751.501
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>87.834.003.591</b>	<b>40.661.627.422</b>	<b>6.463.118.671</b>	<b>146.865.501.184</b>

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do vậy Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**28 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

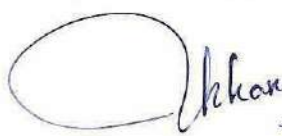
Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2022.



Nguyễn Thị Duyên Thắm

Người lập

Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2023



Đặng Thị Thủy Hằng

Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Anh

Tổng Giám đốc